

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HS-ST.
Ngày: 16, 17-7-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP - TỈNH BT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Hưng Quang - Giáo viên hưu trí.

+ Ông Phạm Văn Minh - Cán bộ hưu trí.

-Thư ký phiên tòa: ông Phan Hoài Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Vinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **Lê Duy L**, sinh ngày 28-8-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Hải Tân 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Duy Toàn, sinh năm 1984 và bà Diệp Thị Trúc Lệ, sinh năm 1983; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

2. **Nguyễn Ca Ca**, sinh ngày 10-10-2004 tại BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Thanh Giang 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Trường, sinh năm (không rõ) và bà Nguyễn Thị Tài, sinh năm 1986; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

3. **Nguyễn Võ Thiên H** (tên gọi khác: Ba xáy), sinh ngày 30-12-2006 tại BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Thanh Giang 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn Hùng, sinh năm 1984 và bà Võ Thị Bé Bảy, sinh năm 1985; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

4. **Nguyễn Văn Q** (tên gọi khác: Già), sinh ngày 02-01-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Hải Tân 2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP,

tỉnh BT; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tuấn, sinh năm 1985 và bà Trần Thị Kim Thơm, sinh năm 1987; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

5. **Lưu Văn V**, sinh ngày 25-3-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Thanh Giang 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, BT; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn Tuấn, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1984; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

6. **Phan Thanh H**, sinh ngày 18-4-2006 tại BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Lâm Lộc 1, xã Hoà Minh, huyện TP, tỉnh BT; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ và bà Phan Thị Bé, sinh năm 1986; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

7. **Trương Ngọc K** (tên gọi khác: Ba lặc), sinh ngày 25-5-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Hải Tân 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Ngọc Chính, sinh năm 1978 và bà Bạch Thị Hồng, sinh năm 1977; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

8. **Nguyễn Hoài Gia B** (tên gọi khác: Boi), sinh ngày 25-7-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Hải Tân 2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Nhơn, sinh năm 1977 và bà Đỗ Thị Hà, sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

9. **Nguyễn Thái A**, sinh ngày 03-11-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Minh Tân 3, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoà, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Kim Mai, sinh năm 1982; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

10. **Đỗ Nguyễn Trường D** (tên gọi khác: Bin), sinh ngày 18-6-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Song Thanh 2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Trường Giang, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Phương Hạnh, sinh năm 1984; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

11. **Huỳnh Gia H1**, sinh ngày 18-6-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Song Thanh 3, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Viêt Tân, sinh năm 1975 và bà Mai Thị Mỹ, sinh năm 1984; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

12. **Phạm Gia B1**, sinh ngày 20-11-2006 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Thanh Giang 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Ba, sinh năm 1978 và bà Đinh Thị Hoa, sinh năm 1981; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

13. **Phạm Ngọc Hoàng V1** (tên gọi khác: Dinh), sinh ngày 28-02-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Xuân Giang 2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Quốc Cường, sinh năm 1980 và bà Phạm Thị Kim Loan, sinh năm 1983; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

14. **Đỗ Văn H1**, sinh ngày 21-9-2005 tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Song Thanh 2, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ và bà Đỗ Thị Hải, sinh năm 1986; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

15. **Tsần Dũng P** (tên gọi khác: Hiệp), sinh ngày 10-11-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú : thôn Hải Lạc, xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình, tỉnh BT; chỗ ở hiện nay: khu phố Thanh Giang 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, BT; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tsần Quay Phí, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị Ngọc Anh, sinh năm 1982; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

16. **Nguyễn Quốc H2** (tên gọi khác: Bi), sinh ngày 01-02-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Hải Tân 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, BT; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tâm, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1973; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

17. **Lê Nguyễn Hoàng P1** (tên gọi khác: Gà tre), sinh ngày 19-01-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Giang Hải 3, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, BT; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Thuận, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Ngọc Vân, sinh năm 1978; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

18. **Trần Đình K2**, sinh ngày 30-6-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Song Thanh 3, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, BT; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Bặc Bàng, sinh năm 1982 và bà Trần Thị Mỹ Thảo, sinh năm 1988; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

19. **Đặng Trần Trung T2** (tên gọi khác: Tí), sinh ngày 14-4-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Hải Tân 3, thị trấn Phan Rí Cửa,

huyện TP, BT; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Phú Hiền, sinh năm 1971 và bà Trần Thị Nhung, sinh năm 1976; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

20. **Trần Nguyễn Đăng K1**, sinh ngày 04-3-2007 tại tỉnh BT; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố Thanh Giang 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, BT; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh Long, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh năm 1968; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không;

Các bị cáo tại ngoại, có mặt.

****Những người tham gia tố tụng:***

- Đại diện theo pháp luật của các bị cáo:

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Lê Duy L:* ông Lê Duy Toàn, sinh năm 1984 và bà Diệp Thị Trúc Lệ, sinh năm 1983 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Hải Tân 3, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Võ Thiên H:* ông Nguyễn Tấn Hùng, sinh năm 1984 và bà Võ Thị Bé Bảy, sinh năm 1985 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Thanh Giang 1, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Hoài Gia B:* ông Nguyễn Nhơn, sinh năm 1977 và bà Đỗ Thị Hà, sinh năm 1972 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Hải Tân 2, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Thái A:* ông Nguyễn Hoà, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Kim Mai, sinh năm 1982 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Minh Tân 3, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Đỗ Nguyễn Trường D:* ông Đỗ Trường Giang, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Phương Hạnh, sinh năm 1984 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Song Thanh 2, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Trương Ngọc K:* ông Trương Ngọc Chính, sinh năm 1978 và bà Bạch Thị Hồng, sinh năm 1977 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Hải Tân 1, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Phan Thanh H:* bà Phan Thị Bé, sinh năm 1986 (là mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Song Thanh 1, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn Q:* ông Nguyễn Tuấn, sinh năm 1985 và bà Trần Thị Kim Thơm, sinh năm 1987 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Hải Tân 1, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Huỳnh Gia H1:* ông Huỳnh Viêt Tân, sinh năm 1975 và bà Mai Thị Mỹ, sinh năm 1984 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Song Thanh 3, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Tsần Dũng P*: ông Tsần Quay Phí, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị Ngọc Anh, sinh năm 1982 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: thôn Hải Lạc, xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Quốc H2*: ông Nguyễn Văn Tâm, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1973 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Hải Tân 1, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Phạm Gia B1*: ông Phạm Văn Ba, sinh năm 1978 và bà Đinh Thị Hoa, sinh năm 1981 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Thanh Giang 1, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Lê Nguyễn Hoàng P1*: ông Lê Văn Thuận, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Ngọc Vân, sinh năm 1978 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Giang Hải 1, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Trần Đình K2*: ông Trần Bặc Bàng, sinh năm 1982 và bà Trần Thị Mỹ Thảo, sinh năm 1988 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Song Thanh 1, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Lưu Văn V*: ông Lưu Văn Tuấn, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1984 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Thnah Giang 1, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Đặng Trần Trung T2*: ông Đặng Phú Hiền, sinh năm 1971 và bà Trần Thị Nhung, sinh năm 1978 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Hải Tân 3, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Trần Nguyễn Đăng K1*: ông Trần Thanh Long, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Xuân Mai, sinh năm 1968 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Thanh Giang 1, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Phạm Ngọc Hoàng V1*: ông Phạm Ngọc Cường, sinh năm 1980 và bà Phạm Thị Kim Loan, sinh năm 1973 (là cha, mẹ ruột); địa chỉ: khu phố Xuân Giang 2, thị trấn Phan Rí Cửa, TP, BT.

- Người bào chữa:

+ *Người bào chữa cho các bị cáo Huỳnh Gia H1, Lưu Văn V, Trương Ngọc K, Nguyễn Thái A*: ông Nguyễn Văn Dũ - Luật sư, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh BT.

+ *Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Gia B1, Lê Nguyễn Hoàng P1, Tsần Dũng P, Nguyễn Quốc H2*: ông Phạm Viết Dũng - Luật sư, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh BT.

+ *Người bào chữa cho các bị cáo Phạm Ngọc Hoàng V1, Trần Nguyễn Đăng K1*: bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Luật sư, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh BT.

+ *Người bào chữa cho các bị cáo Phan Thanh H, Trần Đình K2, Lê Duy L, Nguyễn Hoài Gia B:* bà Nguyễn Thị Kiều Châu – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh BT.

+ *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Võ Thiên H, Đỗ Nguyễn Trường D, Nguyễn Văn Q, Đặng Trần Trung T2:* ông Nguyễn Trường Duy – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh BT.

- **Bị hại:** Phạm Thanh Khoa, sinh ngày 23-7-2006; đại diện hợp pháp của bị hại: ông Phạm Văn Niệm, sinh năm 1971 (là cha ruột); địa chỉ: thôn Hiệp Đức 1, xã Chí Công, huyện TP, BT.

- **Đại diện Ban Giám hiệu Trường THPT Hoà Đa, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT** – Bà Nguyễn Thị Thuỳ Uyên, Phó Hiệu trưởng.

Tất cả đều có mặt.

- **Người làm chứng:**

+ Lê Văn Toàn, sinh ngày 04-7-2005; địa chỉ: thôn Hiệp Đức 1, xã Chí Công, huyện TP, BT. (Vắng mặt)

+ Nguyễn Ngọc Sang, sinh ngày 05-12-2007; địa chỉ: thôn Hiệp Đức 1, xã Chí Công, huyện TP, BT. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 24-6-2023, nhóm Ban Công gồm: Trương Ngọc K, Nguyễn Quốc H2, Lưu Văn V, Phạm Gia B1, Nguyễn Thái A, Trần Đình K2, Phan Thanh H, Huỳnh Gia H1, Tsần Dũng P, Lê Nguyễn Hoàng P1 và Nguyễn Hoài Gia B điều khiển xe mô tô chở nhau trên đường liên xã Phan Rí Cửa-Chí Công theo hướng Phan Rí Cửa đi Chí Công. Khi đến đoạn đường tại khu vực karaoke Bông Hồng thuộc thôn Hội Tâm, xã Hoà Minh thì gặp một nhóm thanh niên xã Chí Công (không rõ ai) đang điều khiển xe theo hướng ngược lại và rượt đuổi nhóm Ban Công nên cả nhóm chia nhau bỏ chạy. Trên đường đi, Lưu Văn V điện thoại cho Nguyễn Văn Q của nhóm Thiên Hương kể sự việc nên Nguyễn Văn Q đã thông báo cho những người trong nhóm gồm: Nguyễn Văn Q, Nguyễn Ca Ca, Lê Duy L, Nguyễn Võ Thiên H, Đỗ Nguyễn Trường D, Đặng Trần Trung T2, Trần Nguyễn Đăng K1, Phạm Ngọc Hoàng V1 và Đỗ Văn H1. Cả hai nhóm hẹn gặp nhau tại khu vực gần chùa Thanh Vân thuộc khu phố Giang Hải 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP. Tại đây, các thành viên trong hai nhóm thông nhất cùng nhau đi ra xã Chí Công tìm gặp nhóm thanh niên xã Chí Công để đánh nhau. Sau khi bàn bạc xong, Nguyễn Võ Thiên H đi về nhà lấy một con dao giấu vào trong người, mang theo. Sau khi họp lại thành một nhóm gồm 20 người đi trên 10 chiếc xe gắn máy thì Lê Duy L điều khiển xe đi một mình, Phạm Ngọc Hoàng V1 điều khiển xe chở theo Phan Thanh H, Đặng Trần Trung T2 điều khiển xe chở Đỗ Văn H1, Đỗ Nguyễn Trường D điều khiển xe chở Trần Nguyễn Đăng K1, Nguyễn Văn Q điều khiển xe chở Nguyễn Ca Ca,

Nguyễn Hoài Gia B điều khiển xe chở theo Trần Đình K2 và Trương Ngọc K, Lưu Văn V điều khiển xe chở Nguyễn Thái A, Nguyễn Quốc H2 điều khiển xe chở Lê Nguyễn Hoàng P1, Huỳnh Gia H1 điều khiển xe chở Tsần Dũng P và Phạm Gia B1 điều khiển xe chở theo Nguyễn Võ Thiên H, tất cả cùng đi theo đường Quốc lộ 1A, chạy đến ngã ba Chí Công, quẹo phải chạy theo hướng vào Chợ mới xã Chí Công. Trên đường đi, 10 xe gắn máy dừng lại để những người ngồi phía sau xuống đường nhặt đá mang theo.

Cả nhóm tiếp tục điều khiển xe đến gần khu vực Chợ mới xã Chí Công, tìm nhóm thanh niên xã Chí Công để đánh nhưng không gặp nên cả nhóm cho xe chạy chậm chậm trên đường liên xã, hướng Chí Công về Phan Rí Cửa. Khi đến khu vực cây xăng Lê Kha (cách Chợ mới xã Chí Công khoảng 200m), cả nhóm nhìn thấy có 03 người gồm Phạm Thanh Khoa, Nguyễn Ngọc Sang và Lê Văn Toàn đang điều khiển 03 xe gắn máy theo hướng ngược chiều, cho rằng đây là nhóm thanh niên Chí Công mà cả nhóm đang tìm nên quay đầu xe lại, hô to “mấy nó, mấy nó” và tăng tốc rượt đuổi theo nên Phạm Thanh Khoa, Nguyễn Ngọc Sang, Lê Văn Toàn cũng tăng tốc bỏ chạy, Nguyễn Ngọc Sang và Lê Văn Toàn chạy thoát. Khi đến khu vực đường cua ngã ba chợ Chí Công thuộc thôn Hiệp Đức 1, xã Chí Công, Lê Duy L chạy xe vượt qua chặn xe của Phạm Thanh Khoa, sau đó Lâm dùng đá ném vào người Khoa, tiếp tục dùng chân, tay đánh. Nguyễn Võ Thiên H cầm dao mang theo chém vào đầu Khoa làm vỡ nón bảo hiểm, ném dao xuống đất và tiếp tục dùng chân, tay đánh. Nguyễn Ca C dùng tay trái cầm đá đánh vào cánh tay trái của Khoa, tay phải đánh vào lưng, sau đó dùng tay trái cầm đá đánh liên tục vào đầu Khoa. Nguyễn Hoài Gia B dùng 02 cục đá ném vào người Khoa. Nguyễn Thái A, Đỗ Nguyễn Trường D, Trương Ngọc K và Phan Thanh H dùng tay đánh vào người Khoa. Các đối tượng còn lại đứng bao quanh, cách Khoa khoảng từ 01m đến 05m, không tác động trực tiếp vào người Khoa. Sau đó, cả nhóm bỏ chạy về lại Phan Rí Cửa. Phạm Thanh Khoa được người dân đưa đi cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 472/KLTTCT-TTPYBT ngày 02-8-2023 của Trung tâm giám định pháp y – Sở Y tế BT, kết luận:

- Vết thương phần mềm vùng cằm phải đã được điều trị, hiện để lại sẹo, kích thước (1,5 x 0,2)cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1%.

- Vết thương-chấn thương vùng cằm trái, nứt lún sọ cằm trái, máu tụ thùy cằm trái đã được điều trị, hiện còn hình ảnh lún sọ cằm trái và tổn thương não vùng thùy cằm trái trên phim CT-Scanner, để lại sẹo kích thước (03 x 0,1)cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể 16% + 21% + 1%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Phạm Thanh Khoa do thương tích gây nên là 35%. Các vết thương, chấn thương do vật tày gây ra; có chiều hướng lực tác động từ sau ra trước; hiện không xác định cố tật.

Về tang, vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại di động màu xanh loại Redmi của Đỗ Văn H1 và đã chuyển vào kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP.

Về trách nhiệm dân sự: 20 bị cáo cùng gia đình đã bồi thường cho bị hại với tổng số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng). Bị hại Phạm Thanh Khoa và đại diện hợp pháp của bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu các khoản nào khác.

Tại Bản Cáo trạng số 45/CT-VKSTP-HS, ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP đã truy tố các bị cáo Lê Duy L, Nguyễn Ca Ca, Nguyễn Võ Thiên H, Nguyễn Hoài Gia B, Nguyễn Thái A, Đỗ Nguyễn Trường D, Trương Ngọc K, Phan Thanh H, Lưu Văn V, Huỳnh Gia H1, Tsần Dũng P, Phạm Gia B1, Lê Nguyễn Hoàng P1, Trần Đình K2, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Hoàng V1, Đặng Trần Trung T2, Đỗ Văn H1, Nguyễn Quốc H2, Trần Nguyễn Đăng K1 về tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 và định khung hình phạt tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Duy L, Nguyễn Ca C và Nguyễn Võ Thiên H về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 và định khung hình phạt tăng nặng tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo Nguyễn Hoài Gia B, Nguyễn Thái A, Đỗ Nguyễn Trường D, Trương Ngọc K, Phan Thanh H, Lưu Văn V, Huỳnh Gia H1, Tsần Dũng P, Phạm Gia B1, Lê Nguyễn Hoàng P1, Trần Đình K2, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Hoàng V1, Đặng Trần Trung T2, Đỗ Văn H1, Nguyễn Quốc H2, Trần Nguyễn Đăng K1 về tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 và định khung hình phạt tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị:

- Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: bị cáo **Nguyễn Ca C** từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

- Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38; Điều 91 và khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: bị cáo **Lê Duy L** từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt: bị cáo **Nguyễn Võ Thiên H** từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

- Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 65; Điều 91 và khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt:

+ Bị cáo **Nguyễn Hoài Gia B** từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng.

+ Bị cáo **Nguyễn Thái A** từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng.

+ Bị cáo **Trần Đình K2** từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

+ Bị cáo **Tsần Dũng P** từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

- Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 65; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt:

+ Bị cáo **Lưu Văn V** từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm.

+ Bị cáo **Nguyễn Văn Q** từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm.

+ Bị cáo **Đỗ Nguyễn Trường D** từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm.

+ Bị cáo **Trương Ngọc K** từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm.

+ Bị cáo **Phan Thanh H** từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm.

+ Bị cáo **Nguyễn Quốc H2** từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

+ Bị cáo **Phạm Gia B1** từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

+ Bị cáo **Huỳnh Gia H1** từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

+ Bị cáo **Đặng Trần Trung T2** từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

+ Bị cáo **Lê Nguyễn Hoàng P1** từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

+ Bị cáo **Phạm Ngọc Hoàng V1** từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

+ Bị cáo **Đỗ Văn H1** từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

+ Bị cáo **Trần Nguyễn Đăng K1** từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

- Xử lý tang, vật chứng: trả lại 01 điện thoại di động màu xanh hiệu Redmi chi Đỗ Văn H1 do không liên quan đến vụ án.

- Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP đã truy tố và xác định việc truy tố các bị cáo là đúng, không oan; các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại: Đã nhận bồi thường thiệt hại về sức khỏe số tiền 110.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào khác; về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xin cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Trường THPT Hoà Đa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo đang là học sinh tại Trường để tạo điều kiện cho các bị cáo này hoàn thành chương trình phổ thông trung học.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TP, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến, cũng như không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện, đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã làm rõ: Xuất phát từ việc bị cáo Lưu Văn V của nhóm Ban Công (gồm các bị cáo Trương Ngọc K, Nguyễn Quốc H2, Lưu Văn V, Phạm Gia B1, Nguyễn Thái A, Trần Đình K2, Phan Thanh H, Huỳnh Gia H1, Tsần Dũng P, Lê

Nguyễn Hoàng P1 và Nguyễn Hoài Gia B) gọi điện thoại cho bị cáo Nguyễn Văn Q của nhóm Thiên Hương (gồm các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Ca Ca, Lê Duy L, Nguyễn Võ Thiên H, Đỗ Nguyễn Trường D, Đặng Trần Trung T2, Trần Nguyễn Đăng K1, Phạm Ngọc Hoàng V1 và Đỗ Văn H1) cho biết nhóm Ban Công bị nhóm thanh niên xã Chí Công rượt đuổi trên đường liên xã Phan Rí Cửa-Chí Công tại khu vực karaoke Bông Hồng thuộc thôn Hội Tâm, xã Hoà Minh nên bị cáo Nguyễn Văn Q đã gọi điện cho các thành viên trong nhóm Thiên Hương biết sự việc và hai nhóm thống nhất hẹn gặp nhau tại khu vực chùa Thanh Vân thuộc khu phố Giang Hải 1, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, để bàn bạc việc đi gặp nhóm thanh niên xã Chí Công đánh lại. Bị cáo Nguyễn Võ Thiên H quay về nhà lấy một con dao tự tạo, bọc trong người mang theo. Sau khi hai nhóm nhập lại thành 01 nhóm, đi trên 10 xe mô tô theo đường Quốc lộ 1A, tới ngã ba Chí Công, quẹo phải vào khu vực chợ mới xã Chí Công. Trên đường đi, cả nhóm dừng xe lại cho những bị cáo ngồi sau xe xuống nhặt đá ven đường mang theo. Vào lúc 22 giờ, ngày 24-6-2024, tại khu vực cây xăng Lê Kha (cách chợ mới Chí Công 200m) nhóm các bị cáo gặp bị hại Phạm Thanh Khoa và 02 người bạn của bị hại đang điều khiển xe mô tô trên đường liên xã Phan Rí Cửa – Chí Công, theo hướng ngược lại của nhóm các bị cáo, do nhầm tưởng là nhóm thanh niên xã Chí Công có hành vi rượt đuổi nhóm Ban Công nên nhóm các bị cáo hô hoán và tăng tốc đuổi theo bị hại và 02 người bạn của bị hại. Bị cáo Lê Duy L chặn đầu xe của bị hại, dùng đá, tay, chân đánh vào người bị hại, bị cáo Nguyễn Võ Thiên H dùng dao chém vào đầu bị hại làm bể mũ bảo hiểm của bị hại và rơi xuống đất, bị cáo Nguyễn Ca Cdùng đá đập vào đầu bị hại và các bị cáo còn lại đã dùng đá ném, dùng tay, chân đánh vào người bị hại gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 35% (tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 472/KLTTCT-TTPYBT, ngày 02-8-2023).

Như vậy, 20 bị cáo có sự thống nhất ý chí đi tìm nhóm thanh niên Chí Công đánh nhau và khi gặp bị hại, cả nhóm cho rằng bị hại là người của nhóm thanh niên Chí Công nên đã dùng dao tự tạo, đá tác động vào đầu bị hại, gây ra thương tích cho bị hại tỷ lệ thương tật 35% nên phải chịu trách nhiệm chung về tội **“Cố ý gây thương tích”** với tình tiết **“Dùng hung khí nguy hiểm”** theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134, định khung hình phạt tăng nặng theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo Lê Duy L, Nguyễn Ca Ca, Nguyễn Võ Thiên H là những người trực tiếp gây ra thương tích chính cho bị hại dù không biết bị hại là ai nên bị truy tố thêm tình tiết **“có tính chất côn đồ”** theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố cũng như phần rút truy tố tại phiên toà đối với tình tiết **“có tính chất côn đồ”** đối với Nguyễn Hoài Gia B, Nguyễn Thái A, Đỗ Nguyễn Trường D, Trương Ngọc K, Phan Thanh H, Lưu Văn V, Huỳnh Gia H1, Tsần Dũng P, Phạm Gia B1, Lê Nguyễn Hoàng P1, Trần Đình K2, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Hoàng V1, Đặng Trần Trung T2, Đỗ Văn H1, Nguyễn Quốc H2, Trần Nguyễn Đăng K1 là hoàn toàn phù hợp, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Đây là vụ án có đồng phạm, khi thực hiện tội phạm vào ngày 24-6-2023, các bị cáo đều đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi này. Các bị cáo đều nhận biết hành vi sử dụng đá, dao xâm phạm đến sức khỏe của người khác là phạm pháp nhưng do xem thường pháp luật, sức khỏe, tính mạng của con người nên đã cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, góp phần làm gia tăng tình trạng bạo lực trong bộ phận thanh thiếu niên và gây hoang mang lo lắng trong cộng đồng dân cư. Do đó, cần thiết phải xử lý các bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và cải tạo các bị cáo để trở thành công dân tốt đồng thời phòng ngừa tội phạm chung. Trong vụ án này, bị cáo Lê Duy L đã chặn xe của bị hại, tạo điều kiện cho các bị cáo khác đánh bị hại và trực tiếp tham gia đánh bị hại, các bị cáo Nguyễn Ca C và Nguyễn Võ Thiên H tham gia đánh bị hại và trực tiếp gây nên thương tích chính của bị hại; bị cáo Lưu Văn V là người gọi điện thoại thông báo với nhóm Thiên Hương, bị cáo Nguyễn Văn Q tiếp nhận thông tin từ bị cáo Lưu Văn V, khơi mào cho việc tấn công tập thể đối với bị hại; các bị cáo Phan Thanh H, Trương Ngọc K, Nguyễn Thái A, Nguyễn Hoài Gia B, Đỗ Nguyễn Trường D có tham gia đánh bị hại nhưng không gây nên thương tích, các bị cáo Phạm Gia B1, Phạm Ngọc Hoàng V1, Huỳnh Gia H1, Đỗ Văn H1, Tsần Dũng P, Nguyễn Quốc H2, Lê Nguyễn Hoàng P1, Trần Đình K2, Nguyễn Văn Q, Đặng Trần Trung T2 và Nguyễn Trần Đăng Khôi mặc dù không tham gia tác động trực tiếp vào bị hại nhưng các bị cáo đứng tạo thành vòng quay nhằm cổ xúy tinh thần cho các bị cáo khác tham gia tác động trực tiếp vào người bị hại và bỏ mặc cho hậu quả xảy ra nên cũng phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ đối với hành vi của các bị cáo đã gây ra. Trong vụ án này trách nhiệm hình sự của các bị cáo Lê Duy L, Nguyễn Ca C và Nguyễn Võ Thiên H mang tính hung hãn, có tính “côn đồ” nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo còn lại và cần cách ly các bị cáo này ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để có thời gian cho các bị cáo tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Đối với các bị cáo Lưu Văn V, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Hoài Gia B, Trương Ngọc K, Nguyễn Thái A và Phan Thanh H là những người đã khơi mào cho vụ việc này và có hành vi sử dụng tay, chân tác động vào bị hại nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn những bị cáo đứng bên ngoài cổ xúy tinh thần cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; các bị cáo cùng gia đình đã bồi thường toàn bộ thiệt hại về sức khỏe cho bị hại; bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và tại phiên tòa đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo có nhân thân tốt, các bị cáo còn nhỏ tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bông bột, nhất thời muốn thể hiện bản thân nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình đối với các bị cáo.

Do các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ chính và nhiều tình tiết giảm nhẹ khác nên đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt các bị cáo mức án tại khung hình phạt nhẹ hơn, liền kề. Đối với các bị cáo không trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại cũng như các bị cáo đang còn là học sinh, tham gia với vai trò thứ yếu, không đáng kể nên sẽ áp dụng thêm khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt.

Các bị cáo Lê Duy L, Nguyễn Võ Thiên H, Phan Thanh H, Huỳnh Gia H1, Phạm Gia B1, Phạm Ngọc Hoàng V1, Đỗ Văn H1, Nguyễn Hoài Gia B, Trương Ngọc K, Nguyễn Thái A, Đỗ Nguyễn Trường D, Nguyễn Văn Q, Tsần Dũng P, Nguyễn Quốc H2, Lê Nguyễn Hoàng P1, Trần Đình K2, Lưu Văn V, Đặng Trần Trung T2, Trần Nguyễn Đăng K1 khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên sẽ áp dụng chương XII để xử lý hình sự các bị cáo.

Mặt khác, các bị cáo Phan Thanh H, Huỳnh Gia H1, Phạm Gia B1, Phạm Ngọc Hoàng V1, Đỗ Văn H1, Nguyễn Hoài Gia B, Trương Ngọc K, Nguyễn Thái A, Đỗ Nguyễn Trường D, Nguyễn Văn Q, Tsần Dũng P, Nguyễn Quốc H2, Lê Nguyễn Hoàng P1, Trần Đình K2, Lưu Văn V, Đặng Trần Trung T2, Trần Nguyễn Đăng K1 có thực hiện hành vi phạm tội nhưng không trực tiếp gây nên thương tích cho bị hại, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, khi phạm tội đều chưa thành niên và trong số các bị cáo này có 09 bị cáo còn đang đi học. Để tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo, rèn luyện, tu dưỡng bản thân nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2025, cho các bị cáo này được hưởng án treo.

[5] Về tang, vật chứng trong vụ án: Trả lại điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh cho bị cáo Đỗ Văn H1, do không liên quan đến vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã bồi thường đầy đủ trong giai đoạn điều tra, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt cho từng bị cáo và xử lý tang vật chứng là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, đối với các bị cáo bị đề nghị hình phạt giam, Hội đồng xét xử xét thấy xuất phát từ sự rủ rờ của nhóm các bị cáo được đề nghị hình phạt cho hưởng án treo nên sẽ giảm cho các bị cáo này 03 (ba) tháng, thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[8] Lời bào chữa cho các bị cáo của các Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý là có cơ sở, nên chấp nhận.

[9] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Điều 268, Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tuyên bố: Các bị cáo Lê Duy L, Nguyễn Ca Ca, Nguyễn Võ Thiên H, Phan Thanh H, Lưu Văn V, Nguyễn Văn Q, Trương Ngọc K, Nguyễn Thái A, Đỗ Nguyễn Trường D, Đỗ Văn H1, Nguyễn Hoài Gia B, Huỳnh Gia H1, Phạm Gia B1, Phạm Ngọc Hoàng V1, Tsần Dũng P, Nguyễn Quốc H2, Lê Nguyễn Hoàng P1, Trần Đình K2, Đặng Trần Trung T2, Trần Nguyễn Đăng K1 cùng phạm tội “**Cố ý gây thương tích**”.

- Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

(1) Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ca **C02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91 và khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015;

(2) Xử phạt: bị cáo Lê Duy L **01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015;

(3) Xử phạt: bị cáo Nguyễn Võ Thiên H **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 65; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015;

(4) Xử phạt bị cáo Lưu Văn V **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(5) Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(6) Xử phạt bị cáo Đỗ Nguyễn Trường D **01 (một) năm tù 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(7) Xử phạt bị cáo Trương Ngọc K **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(8) Xử phạt bị cáo Phan Thanh H **01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(9) Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H2 **09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(10) Xử phạt bị cáo Phạm Gia B1 **09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(11) Xử phạt bị cáo Huỳnh Gia H1 **09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(12) Xử phạt bị cáo Đặng Trần Trung T2 **09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(13) Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Hoàng P1 **09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(14) Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Hoàng V1 **09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(15) Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H1 **09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(16) Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Đăng K1 **09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

- *Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 65; Điều 91 và khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015;*

(17) Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài Gia B **01 (một) năm tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(18) Xử phạt bị cáo Nguyễn Thái A **01 (một) năm tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(19) Xử phạt bị cáo Trần Đình K2 **06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

(20) Xử phạt bị cáo Tsần Dũng P **06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

Giao các bị cáo Đỗ Văn H1, Lưu Văn V, Trương Ngọc K, Nguyễn Thái A, Phạm Gia B1, Huỳnh Gia H1, Nguyễn Hoài Gia B, Đỗ Nguyễn Trường D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Quốc H2, Lê Nguyễn Hoàng P1, Trần Đình K2, Đặng Trần Trung T2, Trần Nguyễn Đăng K1 và Phạm Ngọc Hoàng V1, Tsần Dũng P cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phan Rí Cửa, huyện TP, tỉnh BT quản lý và giáo dục. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Phan Thanh H cho Ủy ban nhân dân xã Hòa Minh, huyện TP, tỉnh BT quản lý và giáo dục. Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Áp dụng: khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.*

Trả lại 01 điện thoại di động màu xanh hiệu Redmi cho Đỗ Văn H1 (*Tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra với Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, ngày 16-5-2024*).

- *Áp dụng: Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.*

Buộc các bị cáo Lê Duy L, Nguyễn Ca Ca, Nguyễn Võ Thiên H, Đỗ Văn H1, Lưu Văn V, Nguyễn Văn Q, Phan Thanh H, Trương Ngọc K, Nguyễn Thái A, Phạm Gia B1, Huỳnh Gia H1, Nguyễn Hoài Gia B, Đỗ Nguyễn Trường D, Tsản Dũng P, Nguyễn Quốc H2, Lê Nguyễn Hoàng P1, Trần Đình K2, Đặng Trần Trung T2, Trần Nguyễn Đăng K1 và Phạm Ngọc Hoàng V1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17-7-2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BT;
- VKSND huyện TP;
- CA huyện TP;
- THADS huyện TP;
- Sở tư pháp tỉnh BT;
- Các bị cáo; Đdhp;
- Người bào chữa;
- Bị hại, Đdhp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Huyền